

Số: 283/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ
đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 tại Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch tái cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW và Nghị quyết số 24/2016/QH14;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025” (sau đây gọi tắt là Đề án), với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Phát triển ngành dịch vụ nhanh, hiệu quả và bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước, hướng tới hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại, đảm bảo khai thác tốt các nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

b) Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ cần có trọng tâm, trọng điểm, có tính khả thi, chú trọng vào các giải pháp, chính sách cụ thể, có thể đo lường kết quả, có tác động mạnh, kịp thời trên thực tiễn, theo tín hiệu thị trường. Khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân là lực lượng quan trọng trong thực hiện quá trình cơ cấu lại ngành dịch vụ.

c) Phát triển mạnh khu vực dịch vụ, tiếp cận với trình độ hiện đại, đảm bảo hội nhập quốc tế và khu vực; lồng ghép việc thực hiện các cam kết quốc tế về dịch vụ với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

d) Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ gắn với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính ở các ngành, các cấp, cơ sở theo hướng bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của trung ương và phát huy sự chủ động, sáng tạo của các cấp địa phương, cơ sở.

đ) Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ coi công nghệ thông tin là đòn bẩy, lấy hội nhập quốc tế về kinh tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm bối cảnh để đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong cung cấp các sản phẩm dịch vụ; chủ động phát triển “hệ sinh thái” dịch vụ, trong đó ưu tiên các ngành dịch vụ ứng dụng công nghệ cao, nâng cao năng lực cạnh tranh và dẫn đầu thế giới một vài lĩnh vực hẹp mà Việt Nam có lợi thế.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Cơ cấu lại ngành dịch vụ theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như tài chính, ngân hàng, logistics và vận tải, công nghệ thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, du lịch, tăng cường xuất khẩu dịch vụ, giảm thâm hụt cán cân xuất nhập khẩu dịch vụ, hướng tới thặng dư trong cán cân xuất nhập khẩu dịch vụ, phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách và thể chế phát triển ngành dịch vụ nhằm tạo khuôn khổ chính sách và thể chế đồng bộ hướng vào việc xây dựng ngành dịch vụ chất lượng, hiệu quả và cạnh tranh; tạo lập hệ thống đòn bẩy kinh tế hợp lý, ổn định và dài hạn để thúc đẩy phân bổ và sử dụng nguồn lực xã hội chủ yếu theo nguyên tắc cơ chế thị trường trong phân bổ các nguồn lực phát triển các ngành dịch vụ; xây dựng cơ sở hạ tầng của khu vực dịch vụ thông qua việc tập trung phát triển các ngành dịch vụ “cơ sở hạ tầng” bao gồm: công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục, logistics và vận tải, tài chính - ngân hàng; xây dựng “hệ sinh thái” dịch vụ để tạo đột phá trong phát triển dịch vụ. Thu hẹp khoảng cách năng lực cạnh tranh về dịch vụ với các quốc gia ASEAN-4.

Chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ theo hướng nâng cao tỷ trọng của các ngành dịch vụ ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin để tác động lan tỏa tới các lĩnh vực dịch vụ khác.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 6,6 - 7,1%. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP khoảng 41,5 - 42% vào năm 2020. Giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ đạt khoảng 7 - 7,5%. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP khoảng 43 - 44% vào năm 2025.

- Đến năm 2020, tỷ trọng lao động các ngành dịch vụ qua đào tạo có chứng chỉ đạt khoảng 25%. Đến năm 2025, tỷ trọng lao động các ngành dịch vụ qua đào tạo có chứng chỉ đạt khoảng 30 - 35%.

- Tài chính - ngân hàng: Đến năm 2020, các ngân hàng thương mại cơ bản có mức vốn tự có theo chuẩn mực Basel II, ít nhất 12 - 15 ngân hàng thương mại áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn; có ít nhất từ 1 đến 2 ngân hàng thương mại nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực châu Á, giảm dần tỷ lệ tín dụng ngoại tệ/tổng tín dụng; phấn đấu tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán đạt mức dưới 7,5%; đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, tối ưu hóa mạng lưới ATM và POS; đến năm 2025, tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán ở mức dưới 8%; tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ phi tín dụng/tổng thu nhập của các ngân hàng thương mại 16 - 17%; tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống tổ chức tín dụng dưới 3%; tất cả các ngân hàng thương mại áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, triển khai thí điểm áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao tại các ngân hàng thương mại Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối và ngân hàng thương mại cổ phần có chất lượng quản trị tốt đã hoàn thành áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn; ít nhất 2 - 3 ngân hàng thương mại nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực châu Á.

- Công nghệ thông tin và truyền thông: Đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân 10 - 15%/năm. Duy trì sức cạnh tranh, giữ vững vị trí Việt Nam nằm trong số 10 nước dẫn đầu về cung cấp dịch vụ gia công phần mềm và nội dung số. Việt Nam đủ khả năng phát triển, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, tạo nền tảng để phát triển kinh tế tri thức, góp phần làm chủ các hệ thống thông tin, bảo đảm an toàn thông tin và chủ quyền số quốc gia, tận dụng tối đa các lợi thế, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực để tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư của Việt Nam. Đến năm 2025, công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh, bền vững, doanh thu cao, có giá trị xuất khẩu lớn; Việt Nam có khả năng chủ động trong việc sản xuất được các sản phẩm, giải pháp công nghệ

thông tin, điện tử, các thiết bị viễn thông quan trọng phục vụ cho các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội, tạo nền tảng để phát triển kinh tế tri thức, góp phần làm chủ các hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin và chủ quyền quốc gia số; phát triển được lõi công nghệ và sản phẩm trong tài chính, thương mại, nông nghiệp, sinh học và đối phó với biến đổi khí hậu, sản xuất công nghiệp, an ninh quốc gia bao gồm an ninh mạng và các công nghệ số trong quốc phòng.

- Phân phối: Đến năm 2020, tăng tỷ trọng mức bán lẻ hàng hoá theo loại hình thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, mạng lưới cửa hàng tiện lợi...) đạt 30%, tốc độ tăng trưởng bình quân đối với lĩnh vực thương mại điện tử tối thiểu đạt 20%/năm; tỷ trọng doanh thu bán lẻ thương mại điện tử chiếm trên 5% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước. Đến năm 2025, tỷ trọng mức bán lẻ hàng hóa theo loại hình thương mại hiện đại đạt khoảng 38%; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (chưa loại trừ yếu tố giá) giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 8,1 triệu tỷ đồng; giá trị tăng thêm lĩnh vực thương mại trong nước (theo giá so sánh) đến năm 2025 đóng góp khoảng 13,5% vào GDP.

- Giáo dục - đào tạo và lao động: Đến năm 2020, giáo dục nghề nghiệp đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo; bình quân hàng năm đào tạo nghề nghiệp cho khoảng 2,2 - 2,4 triệu người, trong đó: trình độ trung cấp, cao đẳng chiếm khoảng 25 - 30%, khoảng 10 - 15% được đào tạo theo các ngành, nghề trọng điểm, khoảng 70 - 75% có việc làm sau đào tạo. Đến năm 2025, bình quân hàng năm đào tạo nghề nghiệp cho khoảng 4,6 triệu người, ít nhất 85% người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo; phát triển quy mô và mạng lưới trường các cấp bậc học; tăng cường chất lượng giáo dục phù hợp với mục tiêu đổi mới chương trình, sách giáo khoa và cách mạng công nghệ 4.0; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; hoàn thiện thể chế, đổi mới quản lý hệ thống quản lý nhà trường; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa từng bước hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục; hội nhập quốc tế về giáo dục.

- Logistics và vận tải: Đến năm 2020, tổng sản lượng vận tải toàn ngành khoảng 1.300 tỷ tấn.km (tương đương 2,2 tỷ tấn hàng hóa), 340 tỷ hành khách.km (tương đương 6,3 tỷ lượt khách) với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm sản lượng vận tải hàng hóa, hành khách giai đoạn 2013 - 2020 từ 8% đến 10%. Đến năm 2025, tỷ trọng đóng góp của ngành dịch vụ logistics vào GDP đạt 8% - 10%, tốc độ tăng trưởng dịch vụ đạt 15% - 20%, tỷ lệ thuê ngoài dịch vụ logistics đạt 50% - 60%, chi phí logistics giảm xuống tương đương 10% - 15% GDP, xếp hạng theo chỉ số năng lực quốc gia về logistics (LPI) trên thế giới đạt thứ 50 trở lên.

- Khoa học và công nghệ: Đến năm 2020, thông qua yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 30 - 35% vào tăng trưởng kinh tế; giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, chỉ số đổi mới công nghệ, thiết bị tăng trung bình 20%/năm; giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ tăng trung bình 15%/năm. Đạt trình độ nhóm có thứ hạng khá trên thế giới về chỉ số đổi mới sáng tạo. Đến năm 2025, thông qua yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp khoảng 40% vào tăng trưởng kinh tế. Giá trị giao dịch của thị trường khoa học và công nghệ tăng trung bình 20%/năm.

- Du lịch: Đến năm 2020 thu hút khoảng 20 triệu lượt khách quốc tế, 85 - 90 triệu lượt khách nội địa; đóng góp khoảng 9 - 10% GDP, tổng thu từ khách du lịch đạt 35 tỷ USD; giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 20 tỷ USD; tạo ra trên 4 triệu việc làm, trong đó trên 1,6 triệu việc làm trực tiếp. Đến năm 2025, thu hút khoảng 32 triệu lượt khách du lịch quốc tế, trên 130 triệu lượt khách du lịch nội địa; du lịch đóng góp trên 10% GDP; đảm bảo 70% lao động trực tiếp phục vụ du lịch được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng; tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 45 tỷ USD; giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 27 tỷ USD; tạo ra 6 triệu việc làm, trong đó có 2 triệu việc làm trực tiếp.

- Y tế: Đến năm 2020: đạt 27,5 giường bệnh và 9 bác sĩ trên 1 vạn dân. Đến năm 2025: Đạt 30 giường bệnh viện, 10 bác sĩ trên 1 vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số. Tỷ trọng chi tiêu công cho y tế đạt 4% GDP. Tỷ trọng chi tiêu tiền túi (OOP- Out of Pocket) giảm còn 35% tổng chi cho y tế. Tỷ lệ hộ gia đình có chi phí y tế thảm họa không quá 2%.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH DỊCH VỤ ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

1. Tạo lập môi trường chung cho phát triển các ngành dịch vụ

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định

hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020 và Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020.

- Năm 2020, hoàn thiện luật và hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện gồm: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường công tác điều phối các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

- Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các Nghị định về điều kiện kinh doanh, xuất nhập khẩu các ngành dịch vụ thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp vào năm 2020.

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thực thi Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2018.

- Rà soát, điều chỉnh các chính sách, quy trình, thủ tục phê duyệt hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các quỹ phát triển công nghệ theo hướng đơn giản hóa quy trình, thủ tục nhận hỗ trợ và hỗ trợ có mục tiêu, trọng điểm.

- Rà soát, điều chỉnh các quy định về điều kiện kinh doanh trong các ngành dịch vụ để khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tạo ra các dịch vụ mới và cải tiến cách thức cung cấp các dịch vụ truyền thống nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các ngành dịch vụ.

- Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; cung cấp dịch vụ công cấp 4 theo nội dung Nghị quyết số 02/2019/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

- Đầu tư, phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước (GovTech) và cung cấp dịch vụ công để cắt giảm chi phí hành chính công và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Đối với lĩnh vực tài chính - ngân hàng

- Xây dựng, ban hành các quy định, hướng dẫn cho các tổ chức tín dụng thực hiện theo từng giai đoạn trong lộ trình triển khai Basel II tại Việt Nam.

- Phát triển hệ thống các tổ chức tín dụng đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế trong năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025.

- Phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo cơ sở nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng.

- Phát triển, quản lý và giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tăng cường đổi mới sáng tạo trong thiết kế và phân phối sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; đưa ra cơ chế quản lý thử nghiệm đối với việc phát triển các loại hình dịch vụ công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

- Thúc đẩy việc ứng dụng các công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động quản lý, phát triển, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đảm bảo nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế trên cơ sở hiệu quả, an toàn, bảo mật. Xây dựng khung khổ thử nghiệm (regulatory sandbox) cho các dịch vụ tài chính, ngân hàng trên nền tảng công nghệ thông tin như ví điện tử, định danh điện tử, cho vay ngang hàng, gọi vốn cộng đồng trên internet, v.v...

3. Đối với lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông

- Rà soát, hoàn thiện xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ phát triển bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu về hội nhập toàn diện kinh tế quốc tế, bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước; xây dựng Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị doanh nghiệp, trong khai thác và xử lý bưu gửi tại các doanh nghiệp bưu chính, đặc biệt tại doanh nghiệp quản lý mạng bưu chính công cộng nhằm cung ứng dịch vụ chất lượng và hiệu quả cho người sử dụng dịch vụ.

- Phát triển thị trường công nghệ thông tin và truyền thông bền vững, định hướng chuyển đổi cơ cấu ngành sang các trụ cột mới (công nghiệp điện tử, công nghiệp và dịch vụ nội dung số, công nghiệp an toàn và an ninh mạng, thương mại điện tử, vận chuyển...), đối tượng mới (thành phố thông minh, chính phủ số, công dân số), không gian mới (trong khu vực, thị trường quốc tế). Phát triển và thương mại hóa viễn thông 5G; phát triển các ứng dụng và nội dung số trên nền công nghệ viễn thông 5G.

4. Đối với lĩnh vực phân phối

- Sửa đổi Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.

- Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với các nền tảng thương mại điện tử quốc tế như Amazon, Alibaba, Rakuten, v.v...

5. Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo và lao động

- Rà soát, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo; tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đảm bảo quy mô, cơ cấu, hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo, vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng.

- Chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo và ứng dụng các mô hình giáo dục, đào tạo mới trên nền tảng công nghệ thông tin như trên internet, trên thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng); khuyến khích các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, đào tạo để nhanh chóng nâng cao số lượng và chất lượng giáo dục, đào tạo nhất là trong các ngành có nhu cầu cao như công nghệ thông tin.

6. Đối với lĩnh vực logistics và vận tải

- Kiện toàn Ủy ban 1899 và Cơ quan thường trực theo hướng tích hợp nhiệm vụ điều phối phát triển logistics đảm bảo mô hình gọn nhẹ, tinh gọn, phát huy vai trò của các bộ, ngành.

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ; xây dựng và ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt.

- Xây dựng đề án cải cách thể chế để khuyến khích các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong logistics như các nền tảng giao dịch dịch vụ vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, v.v...

7. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ

- Đến năm 2020 hoàn thành rà soát, chỉnh sửa tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao theo Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao, theo hướng tạo thuận lợi, dễ dàng hơn cho doanh nghiệp.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ; đề xuất tăng quy mô tài chính cho các quỹ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp để đầu tư đổi mới công nghệ.

- Rà soát sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy trình đánh giá sự phù hợp; xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu chuẩn đối sánh và thực hành tốt nhất về năng suất để phục vụ doanh nghiệp.

- Định hướng thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến trên thế giới cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có tiềm năng đóng góp lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Đẩy mạnh nghiên cứu làm chủ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất sản phẩm thương hiệu Việt Nam như: Công nghệ phần mềm và nội dung số; công nghệ thiết kế, chế tạo mạch tích hợp, bộ nhớ dung lượng cao; công nghệ đa phương tiện; công nghệ đa truy cập; trí tuệ nhân tạo; công nghệ an toàn và an ninh mạng; phát triển hệ thống trung tâm tính toán hiệu năng cao.

8. Đối với lĩnh vực du lịch

- Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Du lịch.

- Nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch nâng cao xếp hạng của ngành du lịch Việt Nam theo Chỉ số Năng lực cạnh tranh ngành Lữ hành và Du lịch (TTCI).

- Xây dựng chương trình quảng bá du lịch Việt Nam qua các kênh quảng bá mới trên mạng internet.

- Về thủ tục nhập cảnh, tiếp tục hoàn thiện, ban hành chính sách tạo thuận lợi và đơn giản về thủ tục thị thực nhập cảnh cho khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.

- Thúc đẩy thực hiện hiệu quả tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam (VTOS) theo Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về nghề du lịch trong ASEAN.

- Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm tại Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch, áp dụng các giải pháp và công nghệ du lịch thông minh như công nghệ kết nối vạn vật (IoT), công nghệ thực tế ảo (VR/AR); áp dụng công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI) để nghiên cứu nhu cầu khách du lịch và phát triển các giải pháp đáp ứng nhu cầu của khách, qua đó nâng cao giá trị gia tăng của ngành.

- Xây dựng khung khổ chính sách cho thị trường cho thuê nhà cá nhân trực tuyến (mô hình Airbnb) và các thị trường có liên quan trong ngành du lịch (đặt vé, đặt chuyến, v.v.).

9. Đối với lĩnh vực y tế

- Thực hiện tốt cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững trong lĩnh vực khám, chữa bệnh, dược, thiết bị y tế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ y tế. Tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy nhanh lộ trình thực hiện giá thị trường, tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý vào giá dịch vụ y tế.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi cho việc phát triển y tế tư nhân; tăng tỷ trọng giường bệnh của khu vực kinh tế tư nhân; tăng các dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn do khu vực kinh tế tư nhân cung cấp.

- Thúc đẩy việc đầu tư, ứng dụng các giải pháp chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh trên nền tảng công nghệ 4.0 như chẩn đoán ung thư bằng trí tuệ nhân tạo (IBM Watson), y tế từ xa, bệnh án điện tử, quản trị bệnh viện bằng công nghệ thông tin, v.v...

(Các nhiệm vụ cụ thể thực hiện Kế hoạch tại Phụ lục kèm theo)

III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn lực kinh tế - xã hội để thực hiện Đề án: vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong đề án và lập dự toán kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Đề án theo quy định pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu, điều phối của Chính phủ về triển khai thực hiện Đề án có trách nhiệm:

- Tham mưu, tổng hợp cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và chế độ thông tin, báo cáo về triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại ngành dịch vụ của các ngành, lĩnh vực, địa phương; kịp thời đề xuất với các bộ, cơ quan, địa phương hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền biện pháp xử lý đối với những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Định kỳ hằng năm, bắt đầu từ năm 2021, tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp có thẩm quyền về tình hình triển khai, kết quả thực hiện Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết.

2. Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ, chủ động lồng ghép các nội dung và nhiệm vụ cơ cấu lại các ngành dịch vụ trên đây vào các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

- a) Trên cơ sở các nội dung và nhiệm vụ cơ cấu lại tại Đề án này, khẩn trương và chủ động xây dựng Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên lĩnh vực, ngành hoặc vùng lãnh thổ thuộc thẩm quyền quản lý.

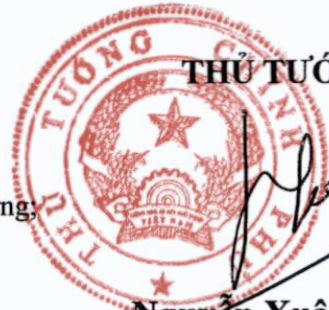
- b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện tái cơ cấu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ hằng năm, bắt đầu từ năm 2021, kiểm điểm tình hình thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ và báo cáo kết quả thực hiện cơ cấu lại ngành, lĩnh vực dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 110



THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH DỊCH VỤ
ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
I	TẠO LẬP MÔI TRƯỜNG CHUNG CHO PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH DỊCH VỤ					
1	Sửa đổi và hoàn thiện Luật và hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện gồm: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành liên quan	2020	Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Luật, Nghị định, Quyết định
2	Rà soát, điều chỉnh điều kiện kinh doanh, xuất nhập khẩu các ngành dịch vụ thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện theo Luật Đầu tư 2014	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành liên quan	2020	Quốc hội, Chính phủ,	Luật, Nghị định
3	Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thực thi Luật Cạnh tranh	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan	2020	Chính phủ	Nghị định
II	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG					
1	Chiến lược tài chính đến năm 2030	Bộ Tài chính	Các cơ quan liên quan	2020 - 2021	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
2	Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 80/2016/NĐ-CP)	Ngân hàng Nhà nước	Các cơ quan liên quan	2020	Chính phủ	Nghị định

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về thanh toán bằng tiền mặt	Ngân hàng Nhà nước	Các cơ quan liên quan	2020	Chính phủ	Nghị định
III CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG						
1	Đề án tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp viễn thông giai đoạn 2020 - 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ; các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
2	Đề án bảo vệ bản quyền trong lĩnh vực Công nghệ thông tin - viễn thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ; các bộ, ngành liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
3	Đề án kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ; các bộ, ngành liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
4	Đề án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ; các bộ, ngành liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
5	Đầu tư phát triển dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Dự án
6	Chiến lược phát triển dịch vụ bưu chính Việt Nam đến năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
7	Chiến lược phát triển dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam đến năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
8	Chiến lược phát triển dịch vụ viễn thông Việt Nam đến năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ; các bộ, ngành liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
IV PHÂN PHỐI						
1	Nghị định sửa đổi Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan	2020 - 2022	Chính phủ	Nghị định
V GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ LAO ĐỘNG						
1	Đề án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 định hướng đến năm 2030	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
2	Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
3	Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
VI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						
1	Đề án rà soát, chỉnh sửa tiêu chí doanh nghiệp công nghệ cao theo Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
2	Đề án phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
VII DU LỊCH						
1	Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2020	Chính phủ	Nghị định, Thông tư

TT	Đề án/ Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình	Hình thức văn bản
2	Đề án kế hoạch nâng cao xếp hạng của ngành du lịch Việt Nam theo Chỉ số Năng lực cạnh tranh ngành Lữ hành và Du lịch (TTCI).	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
3	Nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
VIII Y TẾ						
1	Đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành cơ quan kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
2	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết mức phân bổ ngân sách cho y tế dự phòng, y tế cơ sở	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan	2020	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định
3	Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi)	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan	2020	Quốc hội, Chính phủ	Luật

Ghi chú: Trong Phụ lục không đề cập các đề án, nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, ngành triển khai và có thời hạn hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2019, các bộ, ngành chủ động triển khai và báo cáo theo thời hạn quy định.